II

PHẦN THỨ II

THỬ TÌM HIỂU BỞI ĐÂU MÀ CÓ DANH TỪ "SÀI GÒN"

Cuộc mở mang bờ cõi giải quyết xong, nay bắt qua tìm hiểu về lai lịch đất Sài Gòn

Về danh từ SÀI GÒN

Đại Nam Quốc Âm Tự vị - Huỳnh Tịnh Của viết:

: Sài tức là củi thổi.

: Gòn, tên loại cây có bông nhẹ xốp, nhẹ hơn bông thường, trong Nam hay dùng để dồn gối, dồn nệm. Ngoài Bắc gọi là *cây bông gạo* (kapok, kapokier).

Điều nên nhớ là thuở cựu trào, mỗi lần chạy sớ tấu ra kinh, mỗi mỗi lấy Hán tự làm gốc. Các quan trong Nam thuở ấy, để gọi thành *Sài Gòn* đều viết hai chữ nôm. Viết làm vậy, nhưng đến khi đọc thì luôn luôn đọc là *Sài Gòn.* Về sau, có nhiều người, đọc *Sài Côn*, tưởng rằng đúng. Ngờ đâu đọc như thế là phản ý người xưa, tôi muốn nói những người cố cựu miền Nam của đất Gia Định cũ. Cũng như có một ông tướng tên là *Võ Tánh*, vốn người Gò Công,

nay rất nhiều người đọc tên ông là *Vũ Tính*. Lại như tên một trái núi trên Biên Hòa, thuở nào đến nay, quen gọi là *núi Châu Thới*. Nay thường nghe nhiều học giả đọc và viết *núi Chu Thái*, chúng tôi không dám nói gì, nhưng thiết tưởng đến ông Trời cũng phải chịu! Còn đến như nguyên do làm sao cổ nhân khi trước ghép chữ Hán *Sài* với một chữ Nôm *Gòn* làm vậy thì thú thật tôi xin chịu bí! Nói nhỏ mà nghe, dốt nát như tôi, tôi hiểu rằng khi ông, bà ta thiếu chữ "gòn" không biết phải viết làm sao, thì ông bà cứ mượn chữ "côn" thế tạm, có hại gì đâu, hại chăng là ngày nay con cháu không muốn đọc y như ông bà lại dám chê xưa kia ông bà ta quá dốt!

Cũng trong *Tự Vị* ông Huỳnh Tịnh Của, còn thấy ghi hai chỗ khác nhau về danh từ *Sài Gòn:*

Sài Gòn: tên riêng đất Chợ Lớn, bây giờ lại hiểu là đất Bến Nghé (trương 280 quyển II).

Sài Gòn: tên xứ ở về tỉnh Gia Định (trương 390 quyển I).

Tôi xin hẹn sau sẽ giải nghĩa việc này. Điều nên chú ý liền đây là bộ *Tự vị* Huỳnh Tịnh Của in vào năm 1895-1896 cho ta thấy rõ đời ấy đã có sự lẫn lộn về danh từ *Sài Gòn* rồi.

Để tìm hiểu sâu rộng và muốn biết rành rẽ về nguồn gốc tích SÀI GÒN, phải dày công phăng từ ngọn ngành, căn cội và chịu khó tra cứu từng các dân tộc một, đã sống qua các thời đại trải không biết mấy ngàn năm và thay

nhau khai thác cõi Nam này:

1) người Phù Nam,

2) người Cam Bốt,

3) người Tàu,

4) người Việt.

1. Trước hết, từ giống người Phù Nam (1)

Thời Cổ đại, theo sử Trung Quốc ghi lại, thì có giống người Phù Nam chiếm cứ sơ khởi vùng gọi Phù Nam. Đất Phù Nam sau đổi lại là *Thủy Chân Lạp* (le Chan-la des eaux ou Basse Cochinchine) để phân biệt với đất Lục Chân Lạp (le Chan-la des montagnes ou Cambodge).

---

(1) Về danh từ "Phù Nam", có đến hai thuyết khác nhau:

a. Trong sử Tàu, gọi đó là đất Phù Nam, tức xứ Nam nổi phù. Đời Thượng Cổ, vùng đất này có lẽ quanh năm ngập lụt, không ai thấy được: đất chỉ lồi lên khỏi mặt nước cho ngó thấy vào mùa hạn, khi nước rút đi hết và trời dứt mưa.

b. Nhà lão thành, thông thái Pháp, ông G.Coedès lại cắt nghĩa: *"Phù Nam"* do tiếng Khơ-me "Phnom" đọc ra làm vậy. (Còn trong vòng cãi cọ, chưa thuyết nào ngã ngũ và nhứt định).

c. Theo cố học giả Pháp Pierre Dupont, thì xứ Phù Nam gồm đất Nam Kỳ cũ (Thủy Chân Lạp), đất Cao Miên (Lục Chân Lạp) và một phần xứ Xiêm La, và Phù Nam là một nước có từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ V sau Gia-tô. (BEFEO, năm 1959, tập II, trương 635).

THỜI ĐẠI NÀY, ĐẤT THỦY CHÂN LẠP CÒN LÀ RỪNG RẬM SÌNH LẦY THÀNH SÀI GÒN CHƯA CÓ

Khoảng năm 1943 - 1944, nhà học giả Pháp, ông Louis Malleret nhân danh là hội viên trường Viễn Đông Bác Cổ và Giám đốc Viện Bảo tàng Sài Gòn có thân hành đến giữa chặng đường Long Xuyên đi Rạch Giá, noi dấu bọn thổ dân đã đến chỗ này nhiều tháng trước để bòn vàng... Nơi đây, ông tìm ra di tích một nền cổ Phù Nam bị chôn vùi dưới đất từ ngàn xưa. Ông có đem về Viện Bảo tàng rất nhiều món đồ nữ trang, cổ vật, trang sức phẩm và rất nhiều tài liệu cổ có chơn giá trị về lịch sử (đồ đất nung, dót nấu kim khí, miểng bát chén, phao lưới, trái trì lưới (poids de filet), cục đá căng nặng xe chỉ sợi (fusaioles), v.v..., hiện các vật này trưng bày làm một gian phòng riêng biệt trong Viện Bảo tàng Sài Gòn. Nhờ đó, ta biết được cội đất nước ta và biết tại đây xưa kia vào thế kỷ thứ hai, người dân La Mã đã tìm theo con đường biển thả tàu buồm đến đây và đã từng đặt chưn trên đất này cũng như họ đã từng giao thiệp chặt chẽ cùng thổ dân bản xứ. Họ (người La Mã, Ấn Độ di cư, Mã Lai, Phù Nam, v.v...) qua lại đổi chác với nhau, tỷ như vàng khối xứ Chiêm Thành (l'or du Cathay), lụa Trung Quốc (soie de Chine), hoặc hương liệu (épices): sa nhân, đậu khấu vùng Khmer (núi Cardamomes rất gần). Đặc biệt nhứt là có một đồng vàng tìm được tại chỗ và đó là một tài liệu quý hóa nhứt chứng minh cho thuyết nói trên. Đồng vàng ấy mang dấu hiệu của vua Antonin le Pieux, sinh năm 86 và trị vì tại La Mã từ năm 138 đến năm 161 Tây lịch kỷ nguyên. Hiện thời,

các nhà thông thái tạm lấy chỗ tìm được cổ vật mà đặt tên cho các vật tìm thấy, gọi đồ *thuộc văn minh Óc-Eo*. (theo chánh tả Việt Ngữ. Nếu viết theo Phạn tự và theo giọng Khmer thì là ÂK EV). Nay Óc-Eo thuộc về làng Mỹ Lâm, tổng Kiên Hảo, giáp ranh hai tỉnh Long Xuyên và Rạch Giá. Từ năm 1945 có chiến tranh, sự giao thông bất tiện, thêm thiếu điều kiện bảo thủ canh gác nên người tại chỗ đã đào đã hôi rất nhiều... Khó mà tiếp tục sưu tầm, tiếc thay! (1)

2. Nối chân Phù Nam trên vùng Thủy Chân Lạp là người Cam Bốt

Không nói đâu xa, từ đầu thế kỷ thứ 17, người Cam Bốt đã có mặt tại vùng Sài Gòn lâu rồi. Nhưng họ không khai thác chi cả. Họ chỉ ăn hoa lợi tự nhiên: thú rừng, lâm sản; lá lợp nhà, cây làm củi, v.v... Bằng cớ hiển hiện là khi lọt về tay người Việt, Sài Gòn vẫn là một thôn quê rừng, ruộng, vô danh.

Nghiệm ra rằng người Khmer sanh đẻ tại Nam Việt, phát âm không y giọng Khmer trên Nam Vang. Tình trạng

---

(1) Muốn biết rành rẽ, nên chờ xem bộ luận án thi Tiến sĩ của học giả Malleret, đăng trong tập kỷ yếu Trường Viễn Đông Bác Cổ (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient) đang in. Theo tác giả, sẽ gồm bốn tập lớn. Hiện nay Viện Bảo tàng Sài Gòn đã nhận *tập thứ nhứt* chia làm hai quyển nhan đề: "L'exploration archéologique et les fouilles d'Oc-Eo", Paris 1959, Tome Premier. "Texte", Tome Premier "Planches" (Sách tham cứu khảo cổ nói về cuộc đào tìm cổ tích tại Oc-Eo, tập nhứt chia ra một quyển về luận văn, một quyển về hình ảnh).

(Nay trọn bộ đã xuất bản rồi).

này có thể so sánh lại với tình trạng người Việt vùng Cà Mau Bạc Liêu giọng nói vẫn khác giọng Sài Gòn hoặc giọng Hà Nội. Đối với tiếng Khmer, trên Nam Vang, dùng nhiều chữ "r" có thể nói mỗi tiếng nói, gần như mỗi có đánh lưỡi. Trái lại miền Nam Lục Tỉnh, dân Khmer nuốt gần mất chữ "r". Tỷ dụ trên kia nói *Préam riet* (là năm đồng bạc) thì dưới này họ nói *Péam yiel*, v.v... chưa quen tai, không hiểu họ muốn nói gì.

Bởi rứa, về danh từ "Sài Gòn" đối với người Cam Bốt, khi họ gọi:

a) Prei Kor

(nếu họ là người Nam Vang)

b) Prei Nokor

hoặc

c) Pẹi - ừ - Ko

(nếu họ là người Khmer Lục Tỉnh).

d) Pẹi - ằng - ko

Khiến người Việt ta điếc con ráy và... khó phân biệt được. (1)

---

(1) Tôi xin sao lục ra đây đoạn Pháp văn nói về điểm này.

"Sur les origines de cette dénomination géographique, les hypothèses les plus ingenieuses ont été avancée. Selon Pétrus Ky, qui pretend avoir découvert cette interprétation dans l'ouvrage de TRỊNH HOÀI ĐỨC, les deux caractères Saigon, signifieraent *bois des ouatiers*, contenant ainsi une allysion aux nombreux kapokiers qui se rencontraient, parait-il, autregois dans la région. Le Đốc-phủ-sứ Lê Văn Phát avait cru pouvoir pousser cette interprétation très lion, et en déduire que là Plaine des

(Xem tiếp trang 40)

Vả trong bốn cách phát âm trên, tưởng cần ghi lại hai cách Nam Vang, có phần khoa học, đáng tin cậy hơn, nhưng trong hai cách ấy cũng chưa phân biệt cách nào đúng nghĩa của người xưa.

Prei, prey: rừng, không còn ai chối cãi.

Kor: Kô, Ku: có hai nghĩa khác hẳn nhau: Khi "kor là gòn, Prei-kor là "Rừng gòn". Khi khác thì "Kor": "Kũ": boeuf, Prei-Kor tức là "Rừng bò"?

Có một tỷ dụ: 1 Bockor: bâuk kũ: boeuf à bosse: bò u. Cố Tandart, sành về Miên ngữ, lại cắt nghĩa: Nokor do Nagaram tiếng Nam Phạn (Pâli), đồng nghĩa với chữ *thành* Việt Hán tự trong các danh từ: thành thị, đô thị (cité);

Tombeaux avait été jadis une forêt inépuisable. Comme dans la domaine des étymologies de solliciter le sens des mots de deverses façons, afin d'en tirer une explication propre à satisfaire les exugences de son esprit. Il en rédultait que Sài Gòn pouvait être dérive du mon cambodgien Prei Kor (a) qui signgie *forès des kapokiers*, Il pounvait être aussi l'adaptation des mot siamoin Cai-ngon, c'est-à-dire brousse des kapokiers, que Laotiens emploient encore, affirnait-il, pour désighner la capitale de la Cochinchine. (b) "En réalité, l'ancienne ville cambodgienne, dont la tradition a conservé le souvenir, s'appelait Prei Nokor, désignation qu'Etienne AYMONIER traduit par les termes *forèt royale,* mais que le P. Tandart son dictionnnaire cambodgien-français, propose de représenter par l'expression ville de la *forèt,* en rapportant *Nokar* au mot pâli *nagarain* qui équivaut à cité, *ville ou forteresse*".

a) Seule à notre connaissance, Adhémard Lecfere, a mentionné le nom de PreiKor qu'il a identifé à Prei Nokkor dans le Sdach Kan, Bulletin de la

(Xem tiếp trang 41)

thành phố (ville).

Một tự vị Miên Pháp nữa dịch: Nokor: royaume: quốc. Vậy thì: Prei-Nokor là *lâm quốc*. (2)

Các thuyết trên cho phép ta định chừng "Nokor" là giọng kinh chợ, giọng các nhà hay chữ thông thái trên Nam Vang, chớ người Khmer... miền Lục Tỉnh, nước phèn cứng lưỡi, quen nói trại bẹ, thuở nay, để ám chỉ Sài Gòn, họ dùng một danh từ lơ lớ nghe tương tợ "Pei-ừ-ko" hay "Pẹằng-ko" không rõ chắc được.

Bằng như có ai hỏi họ sát đề quá. Để tránh cái khó họ dùng một danh từ khác, rõ rệt không còn chối cãi và lầm lộn nữa, ấy là danh từ *Srock young* ta âm ra "Sốc

---

Société des Études Indochinoises, deuxième semestre 1910, page 26. Prei Kor pourrait se traduire plutôt par *Forêt des boeufs* que par *Forêt des kapokiers*.

b) *Note sur l'étymologie du nom de Saigon*. - Extrême-Asie, Octobre 1931, pages 227-229. Dans une revue ephémère TOURISME, publiée à Saigon, diverses étymologies a vaient été antérieurement proposées. cf N.16 (7 Aout 1925) *Une autre étymologie de Saigon*; N.12 (18 Septembre 1925): *Erymologie* (après Schreiner, Legrand de la Liraye, Luro, Adrien Launay); N.115 (9 Octobre 1925): *Erymologie*. Il y a peu à retenir de ces interprétations vavariées. D'après L. Malleret: "A la recherche ce Pei Nokor." Buletin de la Société des Etudes Indochinoises, 1942, deuxième trimestre, pages 23-24).

(2) *Angkor, Nokor:* du sanscrit NAGARA: "La ville royale, a capitale". L'Indochine par B.P. Groslier, p.245 (Angkor, Nokor do Phạn tự NAGARA: "đế đô, kinh đô").

Duồng" để chỉ xứ Sài Gòn (1). Lấy theo điểm này và căn cứ hai chữ nên thơ *Strock young*, thì người Cam Bốt tự ngàn xưa đã ngấm ngầm nhìn nhận đất Sài Gòn là lãnh thổ Việt Nam không chối được. Dân Khmer Lục Tỉnh là người trí óc mộc mạc chất phác, người củi lục làm ăn, không biết nói láo và không biết nguỵ biện! Do các thuyết Lang sa kể trên, ta có thể kết luận:

Dưới thời đại cam-bốt-diên, Sài Gòn là nước, xứ *ở giữa rừng (Prei Mokor).* Vịn theo thuyết này danh từ "Sài Gòn", trước định do *Prei Nokor* là *rừng gòn* không vững(2). Nay nên dịch "lâm quốc" đúng hơn. Tóm lại, danh từ "Sài Gòn" không ắt do điển *Prei-Nokor* mà có.

3.- Theo dấu người Tàu, năm 1680 đến miền Nam, năm 1778 lập Đề Ngạn

Từ năm 1680, đã có dấu chơn Hán tử trên dãy đất miền Nam nhưng họ tới lui đông đảo trên vùng Sài Gòn nhứt là từ năm 1778.

---

(1) Srock biến ra tiếng Việt là "sốc" tức xứ của người Miên ở. Về sau, "sốc" nghĩa là xứ, vùng. Tỷ dụ: Sốc thổ, sốc mọi, sốc Việt (Strock young). Về danh từ "Young" hay "Yuônn" hoặc "duong", chưa ai giải nghĩa nghe ổn thỏa. Có thuyết cho "duong" do tiếng Phạn "Young na" tức là người ngoại kiều. Cắt nghĩa làm vậy e thông thái quá, sợi tóc chẻ làm đôi, theo ý tôi, phải chăng "duông" do tiếng chót danh từ *An nam quốc vương* của vua chúa ta dùng để xưng hô đời trước mà có. Người Khmer quen nói tiếng một, danh từ *An nam quốc vương* quá dài dòng bẻ miệng, bẻ môi, khó nói, nên họ dùng gọn chữ "vương" cũng đủ và "vương" biến lần "yuong" v.v... Có danh từ năm loạn 1945-1946 người Miên dùng làm khẩu hiệu là *Cáp duồng*. Cáp là chém đầu "Cáp duồng" là chém đầu thằng Việt!

(2) Trong tập "Souvenirs historiques" cụ Trương Vĩnh Ký quả quyết người Khmer xưa có trồng gòn chung quanh đồn Cây Mai và chính người còn thấy vài gốc cổ thụ này tại vùng ấy năm 1885.

Tài liệu này thấy rõ ràng trong bộ sách *Annuaire de la Cochinchine Française pour l'année 1866.* Nơi trương 83 và 84 của quyển sách hiếm có này, mục nói về thành phố *CHỢ LỚN*, tác giả là hải quân Trung úy Francis GARNIER, thanh tra chánh trị bản xứ, viết nguyên văn bằng tiếng Pháp, tôi xin sao lục đầy đủ ra sau:

"CHOLEN. - Vers la fin du XVIIe siècle, plusieurs milliers de Chinois préférant l'exil à la domination tartare, partirent de Canton, pour demander des terres à l'empereur d'Annam. Celui-ci leur désigna la Basse Cochinchine: il se débarassait de la sorte d'une multitude trop hardie pour ne pas devenir bientôt dangereuse, et en faisait, en même temps, l'avantcoureur de ses projets de conquête sur le Cambodge. Les émigrés se dirigèrent donc vers le pays de Gia Định, et s'établirent à Mitho et à Bien-Hoa. Ce dernier point se développa rapidement sous leur influence, et l'ile Cou-lao-pho devint le point fréquenté où chaque année de nombreuses jonques vinrent entreposer leurs marchandises

A partir de ce moment, on voit les Chinois jouer un grand rôle dans toutes les guerres qui eurent une partie de l'Indochine pur théâtre, et, aussi redoutés comme alliés que comme adversaires, imposer parfois des conditions aux diverses parties belligérantes. Ce fut anisi que, à peu près à la même époqụe, le Chinois MAC CUU s'empara de Hatien, sur le Combodge, pour le compte de la cour de Hué, et reçut de celle-ci, pour lui et ses descendants, l'investiture de la province dont cette ville est la capitale. Hatien devint bientôt peuplée et florissante it garde encore, aux yeux des

Annamites, cette réputation d'élégance et de civilisation dont la conlonisation chinoise a toujours eu le prestige pour eux.

Un siècle plus tard (1773), la révolte des TAYSON qui'eclata tout, d'abord dans les montagnes de la province de Qui-Nhơn, et s'étendit repidement dans le sud, chassa de Bien-Hoa le mouvemnet commercial qu'y avaient attiré les Chinois. Ceux-ci abandonnèrent Cou-lao-pho, remontèrent de fleuve de Tan-Binh, et vinrent choisir la position actuele de CHOLEN. Cette création date d'environ 1778. Ils appelèrent leur nouvelle résidence TAI-NGON ou TIN-GAN. Le nom transformé par les Annamites en celui de SAIGON fut depuis appliqué à tort, par l'expédition française, au SAIGON actuel dont la dénomination locale est BEN-NGHE ou BEN-THANH.

Mais la rébellion ne s'arrêtra pas à la conquête de la province de Bien-Hoa: le chef des TAY-SON Nguyen Van Nhac pénétra peu après dans la province de PHAN-YEN (Gia-Dinh), battit les troupes impériales, et passa au fil de l'épée tous les Chinois établis à Saigon (1782).

Il en périt plus de dix mille, dit l'auteur du *Gia-Dinh Thanh thung chi*, à qui nous empruntons tous ces détails; la terre fut couverte de cadavres depuis Ben-Nghe jusqu'à Saigon, et comme on les jetail dans la rivière, elle en fut réellement arrêtée dans son cours; personne ne voulut manger du poisson pendant un espace de temps qui ne dura pas moins de trois mois. Les marchandises de toutes sortes appartenant aux Chinois telles que thé, étoffes de soie,

remèdes, parfums, papiers, jonchèrent la route pendant longtemps, sans que personne osât y toucher. L'année d'après (année Qui-Meo - 1783), le prix du thé s'élavait jusqu'à 8 ligatures la livre, une aiguille coûtait jusqu'à 1 tayen; toutes les marchandises augmentèrent de prix à proportion (Traduction AUBARET).

On peut juger par ces lignes de l'historien officiel de Gia-Dinh, de l'importance qu'avait déjà à cette époque a colonie chinoise de CHOLEN, et dans quelle dépendance du commerce chinois était tombée la contrée entière.

Quand GIA-LONG, maitre enfin de ces états, eut rétabli la paix dans les province de la Basse Co chinchine, Cholen recouvra bientôt toute son activité et toute sa richesse, et la persévérance chinoise, triomphant des restrictions commerciales et des vexations de tout genre, en fit bientôt le marché le plus important des six provinces. La défense d'exportation étendue à presque toutes les denrées autres que le riz, l'édit qui limitait le nombre des Chinois, les lois somptuaires qui leur étaient appliqées, ne lassèrent ni leur habileté, ni leur génie commercial. Toutes mesures qui n'etaient, d'ailleur, pour les mandarins que des occasions de corruption de plus, n'empêchèrent pas les Chinois de construire à leurs frais à Cholen des quais en pierre sur une étendue de plusieurs kilomètres, et de contribuer pour une part considérable au creusement du canal destiné à relier le Binh-Duong ou Vam Ben Nghe (arroyo Chinois) au Ruot Ngua qui aboutit au Rach Cat (1819). Le Ruot Ngua avait été lui même canalisé en 1772.

En même temps, on acheva les travaux de l'arroyo de la Poste, dont le creusement avait été ébauché des 1755. En 1820, la route commerciale du Cambodge à Saigon par Mitho se trouva complètement terminée, et à partir de ce moment, Cholen redevint l'entrepôt nécessaire de toutes les denrées de cette riche zone" (Annuaire de la cochinchine Française pour l'année 1886, pages 83-84).

Cứ theo thuyết này, người Tàu dùng thuyền buồm chuyên chở hàng hóa, tơ lụa, trái cây khô và tươi v.v... của xứ họ qua dự trữ tại Cù lao Phố (Biên Hòa) (1). (Mãi về sau, họ vẫn dùng thuyền cây chạy buồm để chở lúa gạo, cá khô, trầm hương của Nam Việt qua Trung Quốc, và bận trở về Nam nếu không đủ tơ lụa hàng hóa, họ còn có sáng kiến chở đá, gạch, đồ gốm, để vừa cho thuyền đủ sức khẩm sóng ít nhồi, vừa có đủ đồ dùng để xây cất chùa chiền tại Việt Nam y một thể thức như bên xứ họ). Vào thời ấy, người Tàu vẫn là những tay lợi hại và đắc lực ám trợ mọi cách và cả hai bên vào các cuộc nội loạn miền Nam. Có thể nói hễ họ dựa vào bên nào là bên ấy có phần chắc thắng địch thủ dễ dàng. Dân chúng nể uy danh họ và kiêng sợ võ lực bạo tàn của họ, thậm chí các tay lãnh

(1) Nông Nại đại phố - Đến Biên Hòa, Trần Thượng Xuyên bắt đầu khai thác, chiêu nạp khách buôn Tàu, xây dựng phố phường, lót đường, làm nhà ngói vách vôi, có lầu cao hai từng liền lạc dài bờ sông trên năm dặm, chia làm hai nhai lộ, nhai lớn giữa phố đá trắng, nhai ngang lót đá ong, nhai nhỏ lót đá xanh, đường rộng lớn, người buôn kẻ bán tụ tập đông đúc, tàu đi biển, ghe thuyền đậu san sát liền khúc sông, quả là một đô hội sung túc.
Năm 1778, Tây Sơn tràn vào giết gần sạch, dỡ hết luôn nhà cửa, đá gạch, của cải, làm suy sụp luôn "Phố" này (tài liệu theo *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch Nguyễn Tạo, trương 25).

tụ đương thời: Nhạc, Huệ, Nguyễn Ánh, cũng lợi dụng họ để mượn thế *lấy giáo Tàu đâm Chệc* cho họ sát hại lẫn nhau bớt. Xét ra đời nào cũng có họ ám trợ ta chống lại Trung Quốc: với danh nghĩa "di thần Minh Mạt", họ là người gốc Hán tộc lại "tả" rất sướng tay lính để đuôi sam Mãn Thanh và biết đâu chừng, trong trận Đống Đa, há chẳng có quân sĩ Tàu hươi mã tấu ám trợ vua Quang Trung đánh giặc Chệc!

Cũng như dưới danh từ hội kín, như gần đây có "Th: ện Địa Hội", nào "Nghĩa hòa đoàn", nào "Nghĩa hưng đoàn", từ ngàn xưa họ đã từng làm mưa làm gió một thời và đánh giặc mướn cho cả hai phe, khi theo chúa Nguyễn Ánh, khi theo Tây Sơn Nhạc Huệ và về sau cùng, thì có họ núp dưới bóng cờ Đen, trợ giúp triều đình Huế chống quân đội Pháp thời Tự Đức, và núp dưới hiệu lịnh "Tư Mắt, Phan Xích Long" phá khám cũ Sài Gòn và làm phản chống chánh phủ Đô hộ Pháp lối năm 1914-1915. Anh hùng bất đắc chí, sẵn tánh phiêu lưu, họ cư xử không khác các nhân vật, các "đại ca" trong truyện Tàu bất hủ, khi làm tướng cướp khi lại tế khổn phò nguy! Nhưng cũng bởi tánh ăn ở không minh bạch, nên khi Tây Sơn nổi dậy (1773), kéo cờ bách thắng vào Nam, thuận tay, họ bèn quét đuổi quân Tàu ra khỏi Cù lao Phố (Biên Hòa) là nơi tàn quân Minh đến lập cơ sở từ năm 1680. Khi ấy, những khách thương Tàu mất chỗ bèn rút lui theo con sông Tân Bình (Bến Nghé), họ nhắm xem địa thế, cân nhắc kỹ càng thiên thời địa lợi và sau rốt họ lựa vùng đất ở giữa chẹn đường Mỹ Tho đi Cù lao Phố mà xây dựng tân sở, tân sở này sau trở nên thành phố Chợ Lớn ngày nay vậy.

Tác giả Grancis Garnier, quả quyết: *THỊ TRẤN CHỢ LỚN DO NGƯỜI TÀU TẠO LẬP VÀO NĂM 1778 ĐÂY THÔI.* (đến năm năm 1978 tới đây mới đúng hai trăm tuổi). Thị trấn này vừa phát đạt chưa được bốn năm năm đến năm 1782, thì ngộ nạn lớn: năm ấy, chúa Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc đánh lấy được thành Phan Yên (Gia Định), thừa cơ làm cỏ sạch người Tàu một phen nữa. (Sở dĩ Tây Sơn giận dai như thế, theo một giả thuyết tôi được nghe gia nghiêm kể lại, có lẽ một phần do hậu quả những cờ gian bạc lận giữa các tay tổ Tàu và Biện Nhạc năm xưa, một phần khác quan trọng hơn, là lại đã không tiếp tay chống Nguyễn Ánh mà còn tiếp tế lương phạn, v.v...). Sau trận giặc năm 1782, theo Trịnh Hoài Đức thuật lại, thì hàng hóa các tiệm buôn Tàu như trà, vải lụa, thuốc men, hương liệu, giấy má, đủ loại, bị tuôn ra bỏ bừa bãi lềnh khênh ngập đường sá, hèn lâu như vậy mà không ai dám rớ dám mót lượm về xài. Qua năm 1783, giá hàng hóa vụt lên mà ngợp: kim may, mỗi cây một lượng bạc, trà tàu tám quan tiền một cân... Còn nói chi số binh sĩ và thường dân Tàu bị chết đâm chết lụi để trên số muôn, thậm chí thây ma lớp nằm chật đất, ngổn ngang từ vàm Bến Nghé đến tận kinh Chợ Lớn, lớp khác bị chuồi xuống nước, xác ma da, thằng chỗng kẹo lềnh một khúc sông, làm cho ngót ba bốn tháng trường, dân gian nghe nhắc mà ớn xương sống không dám rớ đến miếng thịt xương thịt cá! Nhưng quả người Tàu là giống dân giàu tính nhẫn nại nhứt thế giới: tính coi họ thất bại to tát làm vậy mà họ không bỏ cơ sở làm ăn. Ít lâu sau họ gầy dựng lại cơ sở Chợ Lớn, có mòi sung túc thịnh vượng hơn trước bá bội.

Họ lấy đất đắp thêm bờ kinh chỗ mới tạo lập, cẩn đá thêm cao ráo và kiên cố. Và có lẽ để ghi nhớ công trạng này họ đặt tên chỗ mới là "Tai-Ngon", hoặc "Tìn-Gan", mà phát âm theo giọng Quảng Đông thì nghe ra "Thầy Ngồnn" hay "Thì Ngòn". Xét theo mặt chữ, thì "Tai-Ngon", "Tìn-Gan", "Thầy-Ngồnn", "Thì Ngòn" đọc theo giọng Việt là "Đề-Ngạn":

Đề; Đê: là cái bờ, cái đê ngăn nước.

Đề: cũng có nghĩa là nắm lấy. (*Đề Cương khiết lãnh* là nắm lấy dây lớn của cái lưới, tức nhiên cả cái lưới sẽ trương ra; kéo cái cổ áo thì cả chiếc áo nhấc lên. Nghĩa bóng: *nắm lấy chỗ chủ yếu.* Kể ra khi đi lựa địa thế, đã đặt cả một hy vọng lớn rồi).

Ngạn : là bờ sông cao dốc.

Đề Ngạn là vùng Chợ Lớn cũ ngày nay vậy. (Truy ra là xóm Quảng Đông Nhai chỗ miếu Quan Đế, miếu Tam Hội).

Còn khi khác nữa, họ dùng danh từ "Tây Cống" mà họ phát âm nghe "Xi-cóon", hoặc "Tây-cóon" (theo giọng Quảng). Theo ý tôi, "Xi-Cóon" hay "Xây-cóon" đây là các phát âm giữa người Tàu với nhau để ám chỉ vùng mà người Pháp hiểu là "Sài Gòn", do giọng Tàu, vùng của người Việt ăn và ở, vùng ấy tức là vùng Chợ cũ Sài Gòn, ngót trăm năm về trước, xưa kia thuở Nam Triều gọi là "Chợ Vải", thuộc khu phố lầu chung quanh Tổng Ngân khố ngày nay: đường Nguyễn Huệ, Ngô Đức Kế, Võ Di Nguy, Phủ Kiệt, ăn lan ra phố kinh lấp (Hàm Nghi), v.v... và đây

là cách nhái giọng nói, nhại tiếng "Sài Gòn" của ta, chớ không đúng theo chữ viết sẵn 西貢. "Xi-Cóon" giọng Quảng viết ra Hán tự thành "Tây Cống" như vậy là chắc chắn rồi! Xin đừng hiểu theo một văn sĩ trẻ, giàu óc tưởng tượng, nhưng túng đề, ghi trên tạp chí "Phổ thông" độ nọ cắt nghĩa "Tây cống" *là thành trì của vua Tự Đức ngày xưa cống hiến cho Tây!* Tôi không theo phái bảo hoàng, nhưng tưởng viết làm vậy nhơ ngòi bút, nhục quốc thể, người nước ngoài cười; thêm đắc tội với tiền nhân.

Tóm lại: Tây cống: Xi-cóon, là xóm Việt, Sài Gòn của người Nam, không phải xóm Tàu trong Chợ Lớn, tức Thầy-Ngônn, chữ viết đọc là Đề Ngạn.

Có ý nghe người Tàu khi nói chuyện với nhau, khi rủ đi chơi vùng "Chợ Sài Gòn"; họ nói gọn lỏn "hui Cái Xị", mà "Cái Xị" đây là "nhai thị" tức "chợ", hoặc giả họ nói "xánh cái xị" là "tân nhai thị", tức là "chợ mới", (chợ Việt mới). Khi nào họ muốn ám chỉ Chợ Lớn Tàu, họ lại dùng danh từ "Thầy Ngônn", là Đề Ngạn vậy.

Đời Tây mới qua, lối năm 1860, làm môi giới giao dịch đầu tiên với Lang sa người Tàu, phần nhiều gốc Phước Kiến hay Quảng Đông từ nấu bếp, cai thầu, bán rượu lẻ, mái chín đến những mại bản lớn.

Việt, ta nói: SÀI GÒN.

Tàu, họ nói: THẦY NGỒNN, XÌ CỤN.

Ai muốn hiểu thế nào thì hiểu!

Gần đây hơn hết, khi hai đô thị sáp nhập làm một "Tây Cống dồn với Đề Ngạn làm một khối duy nhất", Tàu họ dùng một danh từ hết sức gọn và sáng, ấy là Tây Đề.

Trở lại dấu vết Tổ tiên Việt.

Cái lộn xộn rắc rối làm cho ngày nay chúng ta điên đầu khó biết địa điểm đâu là Sài Gòn chánh thức, truy rõ ra, cũng tại Lang sa mà có!

Trước đây, thuở đàng cựu, người Việt có ba danh từ:

1. *Thành Sài Gòn* do Minh Mạng dạy xây năm 1836, vị trí ở gần Ba Son.

2. *Chợ Bến Thành (ở gần bến và thành)* phân ra hai chợ:

a. *Chợ Cũ* ở chỗ Tổng Ngân Khố ngày nay, do Chợ Vải ngày xưa cất lại bằng gạch và sườn kèo sắt, năm 1913 phá bỏ.

2. *Chợ Mới* và Chợ ngày nay quen gọi là Chợ Mới Bến Thành, Tàu gọi "Tân nhai thị" hay vỏn vẹn "Cái Xị" khởi công năm 1912, đến tháng 3 năm 1914, chợ cất rồi, ăn lễ lạc thành tiếng đồn rùm beng có cộ đèn chưng cộ bảy bang, xe bông, hát ngoài trời v.v...; các bác viết bài "mừng lễ khai tân thị" xướng họa không dứt.

3. Hai vùng này gộp lại có tên chung là Bến Nghé.

Trong lúc ấy thì người Tàu dùng danh từ "Thầy Ngồnn" (Đề Ngạn) để gọi vùng buôn bán "Chợ Lớn" và danh từ "Xi-Cóon" (Tây Cống) để ám chỉ xóm của Việt tức là Chợ Bến Thành (từ xưa đến năm 1919 sự buôn bán vẫn nằm trong tay Huê kiều, người Việt bắt đầu qua nghề thương mãi chỉ từ năm 1920 về sau).

Kịp đến buổi Tây qua, đứng trước danh từ "Bến Nghé"

và "Sài Gòn" thì hai chữ "Bến Nghé" đối với Tây, líu lưỡi khó nói quá, nên chỉ sẵn uy lực kẻ chiến thắng trong tay, Tây bèn ép các sắc dân: Nam, Chà, Chệc, đều phải bỏ danh từ "Bến Nghé" và để thay vào đó, Tây ép dùng hai tiếng "Sài Gòn" (1) vừa kêu giòn, vừa dễ đọc. (Cũng như họ đã đọc và nói "Cho len" thay vì "Chợ Lớn", rồi đọc và nói "Da Kao" thay vì "Đất Hộ". Dân ta bắt chước theo còn ăn còn nói mạnh dạn hơn nữa, cho đến ngày nay họ đi rồi mà các danh từ ngoại lai này chưa hết hẳn). Một lúc, để chọn tên đặt cho kinh đô Nam Việt, Tây đã nghĩ đến danh từ "Gia Định" nhưng họ lại chê là di tích cựu trào, khêu gợi chuyện xưa nên họ không dùng. Kế đó, họ muốn chọn danh từ "Bà Chiểu", nhưng họ cũng không thâu nhận vì "Bà Chiểu" như "Gia Định" là tên cũ của trào xưa, họ cố tránh, lại nữa "khi viết lại viết tháu, hoặc dùng gởi điện tín, sợ e có khi đọc lầm hiểu lầm là "Bạc Liêu" thì khốn.

Tóm lại danh từ "Sài Gòn" trở nên bất tử vì người Việt, người Tàu, trong lúc đàm thoại với Lang sa hoặc viết thơ hay ký giao kèo với họ; một nửa chiều ý người mới, một nửa "nịnh Tây", bèn dùng luôn danh từ "Sài Gòn" thay thế danh từ "Bến Nghé", lâu ngày quen tai quen mắt và càng phổ biến rộng thêm mãi, khiến nên "Sài Gòn" đã soán ngôi "Bến Nghé" và "Bến Nghé" thỉnh thoảng chỉ còn nghe nói trong giới người cố cựu đất Gia Định chính cống mà thôi.

---

(1) Hồi đời đức Linh mục Bá Đa Lộc đã năng dùng danh từ "Sài Gòn" trong thư tín nhưng đến lối năm 1860 danh từ nầy mới phổ biến rộng và thống nhứt.